

Vietnam Daily Review

Phiên giăng co

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 25/7/2022	•		
Tuần 25/7-29/7/2022	•		
Tháng 7/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở:

Thị trường hôm nay trải qua một phiên giăng co trong biên độ hẹp, và vẫn không thể bật lên khỏi vùng 1200. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 12/19 ngành giảm điểm, trong đó ngành Tài nguyên cơ bản đóng cửa trong sắc đỏ đậm nhất. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Trong những phiên tới, có lẽ thị trường sẽ tiếp tục giao dịch trong vùng 1185-1200 để tích lũy cũng như test lại đường MA20.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư giao dịch ngắn hạn cẩn trọng trong phiên.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 22/07/2022, các chứng quyền tăng theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-3.71** điểm, đóng cửa **1194.76** điểm. HNX-Index **+0.74** điểm, đóng cửa **288.83** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+1.84)**, **BCM (+1.19)**, **MSN (+1.10)**, **VIB (+0.60)**, **TCB (+0.223)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-1.86)**, **BID (-1.23)**, **HPG (-0.71)**, **CTG (-0.70)**, **VNM (-0.62)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **9,785** tỷ đồng, giảm **11.93%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 10,869 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 7.93 điểm. Thị trường có **182** mã tăng, 66 mã tham chiếu và **279** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **377.72** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MWG (105.53 tỷ)**, **GAS (72.86 tỷ)**, **MSN (52.02 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **1.55** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1194.76**

Giá trị: 9785.4 tỷ **-3.71 (-0.31%)**

Khối ngoại (ròng): 376.51 tỷ

HNX-INDEX **288.83**

Giá trị: 1161.75 tỷ **0.73 (0.25%)**

Khối ngoại (ròng): 1.55 tỷ

UPCOM-INDEX **88.84**

Giá trị: 0.77 tỷ **-0.28 (-0.31%)**

Khối ngoại(ròng): 33.65 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	96.3	-0.06%
Giá vàng	1,720	0.08%
Tỷ giá USD/VND	23,405	-0.05%
Tỷ giá EUR/VND	23,780	-0.36%
Tỷ giá JPY/VND	17,006	0.72%
LS liên NH 1 tháng	2.8%	0.24%
LS TPCP 5 năm	2.8%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MWG	105.8	KBC	-17.4
GAS	72.9	VHM	-12.8
MSN	52.3	E1VFN30	-11.9
GEX	47.2	FUEVFN30	-9.7
FUESSVF	23.3	HPG	-8.5

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Hiệu suất PTKT	Trang 2
Thị trường phái sinh	Trang 3
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Khuyến nghị dài hạn	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
7/20/2022	HAH	67.9	78.5	63.5	66	2	-2.80%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/18/2022	GVR	23.2	26.5	21.9	23.5	4	1.29%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:							(**) Tiệm cận giá mục tiêu	

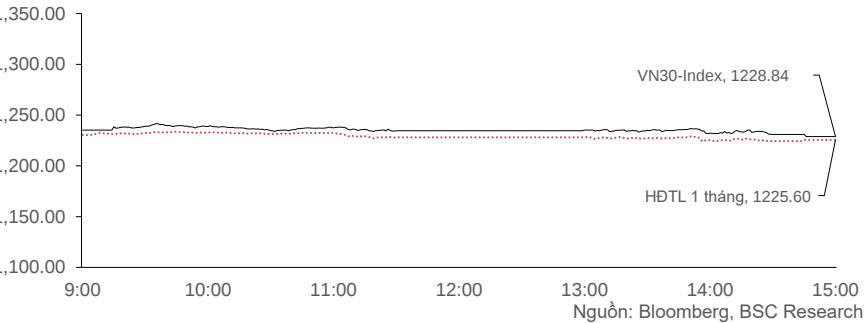
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
6/28/2022	C47	13.25	16	12.8	SL	8	-3.40%
6/27/2022	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/23/2022	GMD	53	60	49.5	SL	12	-6.60%
6/7/2022	GIL	76.8	86	72	SL	6	-6.25%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
6/1/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
5/31/2022	CTD	54.5	61	51	SL	20	-6.42%
5/30/2022	PDR	55.3	61.3	52	SL	11	-5.97%
5/27/2022	MWG	146.7	162	140	SL	17	-4.57%
5/26/2022	DBC	25.3	30.2	22.5	SL	18	-11.07%
5/25/2022	FRT	82.7	103.9	76.3	TP	26	25.63%
5/19/2022	DCM	31.4	40	28	TP	14	27.39%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ	FS - Đóng vị thế sớm		

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	1	1	1.29%	-2.80%	-0.75%	3
Cổ phiếu đã chốt	249	221	7.19%	-7.44%	4.25%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2207	1234.10	0.65%	5.26	7.4%	203,851	7/21/2022	0
VN30F2208	1225.60	-0.07%	-3.24	662.2%	206,218	8/18/2022	27
VN30F2209	1225.30	0.10%	-3.54	128.9%	348	9/15/2022	55
VN30F2212	1223.60	-0.01%	-5.24	86.0%	80	12/15/2022	146

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm -6.41 điểm xuống 1228.84 điểm, biên độ dao động 14.06 điểm. Các cổ phiếu như VIC, HPG, VNM, ACB và CTG đã tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30. VN30 có mức suy giảm khá rõ rệt vào cuối phiên. Thanh khoản xuống mức thấp cùng với vận động đảo chiều 1 số cổ phiếu cho thấy lực bán đang dần trở lại thị trường khi chỉ số này tiến về ngưỡng đỉnh 1250. Khuyến nghị các nhà đầu tư giao dịch ngắn hạn cần trọng trong phiên.
- VN30F2209 tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30, còn lại giảm. Tất cả các HĐ đều tăng xét về KLGD và vị thế mở.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMSN2208	10/7/2022	77	14.8:1	38,600	42.63%	2,400	1,330	6.40%	759	1.75	111,485	104,233	108,500
CPNJ2203	10/3/2022	73	24.8:1	323,600	41.68%	1,300	840	2.44%	659	1.27	139,190	109,999	114,500
CTPB2204	3/28/2023	249	10:1	305,300	44.22%	1,000	900	2.27%	662	1.36	39,388	23,888	28,050
CKDH2208	12/7/2022	138	4.54:1	5,100	36.17%	2,400	2,050	1.99%	849	2.42	43,019	35,891	36,500
CMBB2207	1/3/2023	165	10:1	28,800	36.02%	1,000	650	1.56%	385	1.69	41,356	23,456	25,550
CPNJ2202	10/3/2022	73	24.8:1	147,800	41.68%	1,200	910	1.11%	738	1.23	117,834	99,999	114,500
CMSN2209	3/28/2023	249	19.8:1	48,500	42.63%	1,400	1,060	0.95%	778	1.36	120,719	111,413	108,500
CTPB2203	10/28/2022	98	10:1	38,600	44.22%	1,000	800	0.00%	587	1.36	75,899	22,999	28,050
CVPB2204	11/15/2022	116	16:1	31,500	37.50%	1,000	380	0.00%	91	4.16	30,888	30,888	28,150
CMBB2206	10/3/2022	73	10:1	113,600	36.02%	1,000	570	-1.72%	390	1.46	31,422	22,222	25,550
CSTB2213	1/3/2023	165	8:1	15,000	46.94%	1,000	560	-1.75%	312	1.80	36,044	24,444	23,000
CFPT2203	8/1/2022	10	3.3:1	607,600	33.23%	3,800	2,160	-2.26%	2,095	1.03	80,068	95,000	85,100
CSTB2214	1/9/2023	171	2:1	81,900	46.94%	1,630	2,140	-2.28%	1,577	1.36	23,480	23,000	23,000
CSTB2211	12/27/2022	158	8:1	441,400	46.94%	1,000	540	-3.57%	359	1.50	26,693	23,333	23,000
CHPG2215	3/28/2023	249	10:1	324,300	36.69%	1,000	670	-5.63%	264	2.54	37,299	22,999	22,200
CSTB2215	3/28/2023	249	5:1	628,800	46.94%	1,100	1,150	-7.26%	841	1.37	30,922	22,222	23,000
CVNM2204	10/7/2022	77	9.67:1	307,000	26.74%	1,500	740	-8.64%	487	1.52	70,603	73,000	72,000
CHDB2208	3/8/2023	229	5:1	83,300	39.30%	1,100	1,070	-10.08%	669	1.60	28,499	23,999	23,800
CKDH2209	3/28/2023	249	7.26:1	10,100	36.17%	1,200	1,050	-16.67%	680	1.54	53,768	36,344	36,500
CVNM2207	3/28/2023	249	15.4:1	2,000	26.74%	1,100	960	-19.33%	603	1.59	68,668	68,668	72,000

Tổng 3,582,800 39.47%**													
Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất													
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%													
**Trung bình độ lệch chuẩn													
CR: Tỷ lệ chuyển đổi													
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn													
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes													

- Trong phiên giao dịch ngày 22/07/2022, các chứng quyền tăng theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CACB2201 và CPNJ2203 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 102.90% và 34.48%. Giá trị giao dịch giảm -0.63%, CHPG2215 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 19.99% thị trường.
- CTPB2204, CVNM2204, CVRE2210, và CSTB2210 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CPNJ2204, CHPG2215, CNVL2202, và CVNM2207 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CPNJ2201, CFPT2203, và CPNJ2202 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	64.5	0.6%	0.7	4,105	15.4	3,515	18.3	4.2	48.8%	25.8%
PNJ	Bán lẻ	114.5	0.4%	0.7	1,207	1.7	5,443	21.0	3.5	49.0%	18.0%
BVH	Bảo hiểm	56.3	-0.7%	1.3	1,817	2.5	2,529	22.3	1.9	26.6%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	43.8	-0.2%	0.7	446	0.0	3,287	13.3	1.3	58.5%	9.9%
VIC	Bất động sản	66.5	-2.9%	0.5	11,027	2.0	(578) #N/A	N/A	2.4	12.2%	-2.4%
VRE	Bất động sản	26.0	-1.1%	1.1	2,569	1.3	401	64.9	1.9	31.8%	3.0%
VHM	Bất động sản	58.7	-0.3%	0.8	11,113	3.9	8,786	6.7	2.0	23.2%	34.5%
DXG	Bất động sản	22.0	-1.3%	1.4	581	6.7	1,503	14.6	1.5	29.2%	11.3%
SSI	Chứng khoán	20.9	-1.9%	1.7	1,354	16.5	2,841	7.4	1.5	21.9%	22.6%
VCI	Chứng khoán	38.0	-2.2%	1.0	553	5.9	4,546	8.4	1.8	18.4%	24.3%
HCM	Chứng khoán	24.7	-2.6%	1.6	490	6.7	2,522	9.8	1.4	42.5%	17.5%
FPT	Công nghệ	85.1	0.1%	1.0	4,059	4.9	4,293	19.8	4.8	49.0%	26.1%
FOX	Công nghệ	70.0	2.2%	0.4	999	0.0	4,926	14.2	3.8	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	107.8	3.6%	1.0	8,971	5.1	5,109	21.1	3.8	2.9%	19.2%
PLX	Dầu khí	41.8	-1.3%	1.5	2,309	0.9	1,950	21.4	2.1	17.6%	9.9%
PVS	Dầu khí	23.6	-0.4%	1.6	490	5.6	1,408	16.8	0.9	9.0%	5.5%
BSR	Dầu khí	25.0	0.8%	0.8	3,370	16.3	2,108	11.9	2.1	41.1%	19.1%
DHG	Dược	93.5	2.0%	0.3	532	0.1	6,361	14.7	3.2	54.2%	23.1%
DPM	Hóa chất	46.0	-4.2%	1.3	783	5.9	12,920	3.6	1.5	16.1%	50.2%
DCM	Hóa chất	29.7	-3.3%	1.2	682	4.8	5,643	5.3	1.8	9.1%	38.9%
VCB	Ngân hàng	72.5	0.0%	0.8	14,918	3.2	4,855	14.9	2.9	23.5%	21.1%
BID	Ngân hàng	35.5	-2.7%	1.2	7,808	2.0	2,266	15.7	2.1	16.9%	13.8%
CTG	Ngân hàng	26.9	-2.2%	1.5	5,621	3.9	2,558	10.5	1.3	26.5%	13.0%
VPB	Ngân hàng	28.2	-0.2%	1.2	5,441	8.9	3,755	7.5	1.4	17.6%	22.2%
MBB	Ngân hàng	25.6	-0.2%	1.3	4,197	7.9	3,623	7.1	1.5	23.2%	23.7%
ACB	Ngân hàng	24.4	-1.2%	1.1	3,576	2.2	3,081	7.9	1.7	30.0%	24.2%
BMP	Nhựa	58.0	0.9%	0.7	206	0.1	3,150	18.4	2.0	85.4%	10.7%
NTP	Nhựa	41.5	1.7%	0.5	234	0.2	3,914	10.6	1.9	17.8%	18.0%
MSR	Tài nguyên	19.5	-0.5%	1.6	932	0.1	178	109.6	1.5	10.1%	1.4%
HPG	Thép	22.2	-2.2%	1.1	5,613	16.2	5,726	3.9	1.3	20.5%	40.4%
HSG	Thép	18.1	-1.1%	1.6	392	2.7	7,157	2.5	0.8	6.6%	35.8%
VNM	Tiêu dùng	72.0	-1.6%	0.6	6,542	2.2	4,390	16.4	4.7	54.6%	28.9%
SAB	Tiêu dùng	166.0	0.6%	0.8	4,628	1.4	5,969	27.8	5.0	62.7%	19.0%
MSN	Tiêu dùng	108.5	2.8%	1.0	6,716	5.7	7,041	15.4	5.6	28.8%	45.7%
SBT	Tiêu dùng	18.2	0.3%	1.6	498	1.0	1,144	15.9	1.4	8.1%	8.3%
ACV	Vận tải	85.0	2.4%	0.8	8,045	0.1	363	234.3	4.9	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	125.6	-0.3%	1.1	2,958	2.7	361	347.5	4.0	16.8%	1.2%
HVN	Vận tải	16.6	0.9%	1.7	1,598	0.9	(5,210) #N/A	N/A #N/A	N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	50.8	0.4%	1.0	666	2.6	2,256	22.5	2.3	45.9%	10.8%
PVT	Vận tải	19.6	-1.8%	1.4	276	1.3	2,088	9.4	1.2	13.3%	13.0%
VCS	Vật liệu xây dựng	75.5	3.3%	0.9	525	0.6	10,540	7.2	2.3	3.1%	37.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	58.2	-0.5%	0.7	1,135	3.7	3,677	15.8	3.3	5.7%	22.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.1	-1.5%	1.1	266	0.4	506	31.7	1.2	1.9%	3.6%
CTD	Xây dựng	58.0	-1.4%	1.3	186	1.3	(27) #N/A	N/A	0.5	52.2%	0.0%
CII	Xây dựng	19.4	-0.3%	1.4	213	2.6	1,266	15.3	0.9	11.0%	6.1%
REE	Điện	80.9	-1.0%	-1.4	1,250	2.3	5,994	13.5	2.1	49.1%	16.7%
PC1	Điện	36.7	-1.7%	-0.4	375	1.5	3,238	11.3	1.8	4.7%	16.9%
POW	Điện	13.2	-1.5%	0.6	1,339	4.9	859	15.3	1.1	2.3%	6.9%
NT2	Điện	25.0	-1.2%	0.6	313	0.9	3,116	8.0	1.6	14.3%	20.9%
KBC	Khu công nghiệp	36.9	0.0%	1.5	1,230	9.6	866	42.6	1.9	19.3%	5.3%
BCM	Khu công nghiệp	66.5	7%	1.0	2,993	1.3	1,190	55.9	4.2	2.7%	8.4%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	107.80	3.55	1.80	1.09MLN
BCM	66.50	6.91	1.13	468700
MSN	108.50	2.84	1.09	1.24MLN
VIB	26.20	4.38	0.59	4.38MLN
TCB	37.10	0.68	0.22	4.42MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-1.94	674700	1.11MLN
BID	0.00	-1.29	1.25MLN	607060
HPG	0.00	-0.74	16.64MLN	373600
CTG	0.00	-0.73	3.25MLN	192700
VNM	0.00	-0.64	712300	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CLW	30.70	6.97	0.01	1800.00
HOT	30.85	6.93	0.00	300
TNT	7.72	6.93	0.01	532200
BCM	66.50	6.91	1.13	468700
DAH	7.91	6.89	0.01	849200

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CTF	22.40	-6.86	-0.03	944300
SII	15.80	-6.78	-0.02	6100
CVT	39.10	-6.57	-0.03	100.00
TRC	38.80	-6.51	-0.02	100
DTA	8.88	-6.43	0.00	37500

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

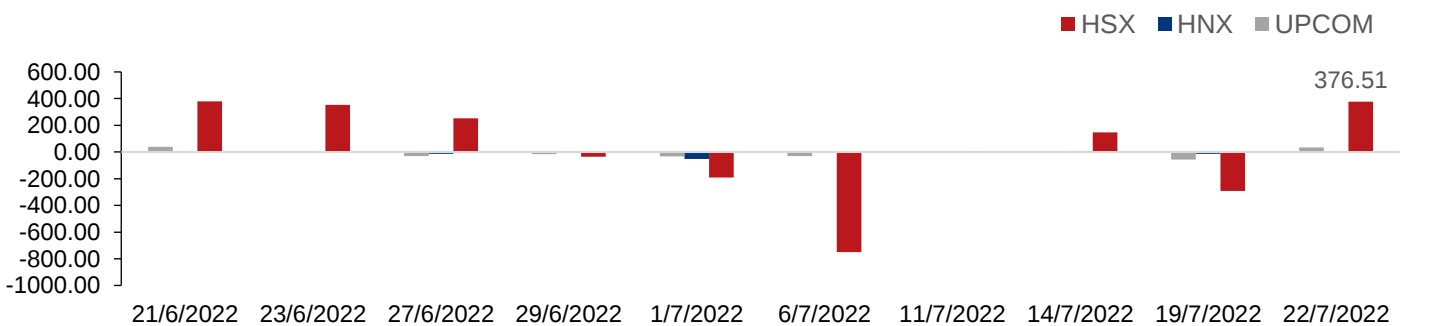
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
IDC	61.00	3.92	0.95	2.67MLN
SHS	12.60	3.30	0.52	13.06MLN
NVB	30.00	1.69	0.47	3700
VCS	75.50	3.28	0.13	189000.00
SJE	36.80	9.85	0.10	177900

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CEO	30.70	-3.15	-0.32	4.94MLN
L14	102.00	-4.85	-0.18	307600
HUT	28.50	-1.38	-0.14	2.76MLN
BAB	16.80	-0.59	-0.12	9300
PTI	57.00	-5.00	-0.12	900

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CLM	55.60	9.9	0.04	200
DST	7.80	9.9	0.04	498100
SJE	36.80	9.9	0.10	177900
PIA	29.30	9.7	0.01	2200
CMS	17.10	9.6	0.03	109300.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
L43	3.60	-10.00	0.00	7200
SGD	21.10	-9.83	-0.01	1100
KDM	14.30	-9.49	-0.02	52100
TTZ	3.10	-8.82	0.00	15000
OCH	8.10	-7.95	-0.11	240100

Hình 3
 Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	DPM	Phân bón	Theo dõi	04/07/22	50.0	63.1	46.0	12,920	3.6	1.5	Click
2	HT1	Xi măng	Mua	30/06/22	15.5	18.7	16.1	506	31.7	1.2	Click
3	NT2	Điện	Mua	28/06/22	24.8	28.0	25.0	3,116	8.0	1.6	Click
4	PVD	Dầu khí	Mua	28/06/22	17.4	19.8	17.0	0	149.9	0.6	Click
5	LHG	BDS	Mua	27/06/22	31.5	54.8	35.1	6,244	5.6	1.2	Click
6	MIG	Bảo hiểm	Theo dõi	23/06/22	24.8	21.7	23.8	1,187	20.0	1.9	Click
7	PC1	Điện	Mua	23/06/22	39.2	45.9	36.7	3,238	11.3	1.8	Click
8	POW	Điện	Mua	13/06/22	15.0	17.0	13.2	859	15.3	1.1	Click
9	NKG	Thép	Mua	09/06/22	22.9	30.4	19.3	9,632	2.0	0.8	Click
10	REE	Điện	Mua	08/06/22	98.3	112.7	80.9	5,994	13.5	2.1	Click
11	LTG	Lương thực	Theo dõi	08/06/22	41.8	45.3	36.5	4,406	8.3	1.0	Click
12	GAS	Dầu khí	Mua	08/06/22	130.0	151.4	107.8	5,109	21.1	3.8	Click
13	ANV	Thủy sản	Mua	07/06/22	56.6	68.9	45.1	3,842	11.7	2.1	Click
14	HPG	Thép	Mua	07/06/22	33.2	42.1	22.2	5,726	3.9	1.3	Click
15	VOS	Vận tải biển	Mua	03/06/22	16.2	19.0	17.8	4,039	4.4	2.3	Click
16	BSR	Dầu khí	Mua	02/06/22	27.1	34.4	25.0	2,108	11.9	2.1	Click
17	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	65.9	3,434	19.2	5.4	Click
18	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	114.5	5,443	21.0	3.5	Click
19	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	14.7	1,701	8.6	0.6	Click
20	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	25.0	3,116	8.0	1.6	Click
21	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	72.0	10,782	6.7	1.4	Click
22	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	76.5	4,874	15.7	5.0	Click
23	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	36.7	3,238	11.3	1.8	Click
24	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	14.1	-129	#N/A N/A	0.7	Click
25	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	85.1	4,293	19.8	4.8	Click
26	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	27.6	2,279	12.1	1.9	Click
27	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	19.3	9,632	2.0	0.8	Click
28	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	13.2	859	15.3	1.1	Click
29	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	114.5	5,443	21.0	3.5	Click
30	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	64.5	3,515	18.3	4.2	Click
31	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	19.6	2,088	9.4	1.2	Click
32	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	98.2	12,412	7.9	4.0	Click
33	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	22.2	5,726	3.9	1.3	Click
34	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	36.9	866	42.6	1.9	Click
35	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	23.4	5,207	4.5	1.4	Click
36	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	22.0	1,503	14.6	1.5	Click
37	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	61.0	4,775	12.8	4.9	Click
38	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	45.1	3,842	11.7	2.1	Click
39	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	27.1	2,906	9.3	1.9	Click
40	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	83.9	11,153	7.5	2.1	Click
41	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	28.3	1,941	14.6	1.3	Click
42	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	43.8	3,287	13.3	1.3	Click
43	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	23.6	1,408	16.8	0.9	Click
44	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	107.8	5,109	21.1	3.8	Click
45	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	18.9	4,011	4.7	1.3	Click
46	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	58.0	-27	#N/A N/A	0.5	Click
47	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	14.7	1,701	8.6	0.6	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
2	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
5	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
6	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
7	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
8	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
9	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
11	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
12	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
13	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
14	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
15	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
16	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
17	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
19	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
20	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
23	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
24	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
26	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
27	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
28	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
29	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
30	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
31	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
32	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
33	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
34	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
35	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
36	Banking Sector Outlook		x	Click
37	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
39	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
40	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
41	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
42	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
43	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
44	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639